

Quyết định số: **15/2025/HS-GĐT**
Ngày 13 tháng 6 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Văn Thường**

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: ông **Nguyễn Chí Công** và ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Nhật** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

*** Người bị kết án:**

1. Trần Văn Đ (tên gọi khác: **Vương A C, Hoàng Song B**), sinh năm 1964, tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: **thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn P** (chết) và bà **Nguyễn Thị Đ1** (chết); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 161/1992/HS-ST ngày 09/12/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án số 133/1995/HS-ST ngày 08/9/1995/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Trốn khỏi nơi giam*”. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 161/1992/HS-ST ngày 09/12/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chưa chấp hành xong, bị cáo phải chấp hành hai bản án là 12 năm 08 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2005. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2023. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam Đ2 – Cục C2 – Bộ C3**.

2. Đặng Văn N (tên gọi khác: **N1, P1, Đặng Công S**), sinh năm 1968, tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: **thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Văn T** (chết) và bà **Đặng Thị C1** (chết); có vợ là **Đoàn Thị H**, sinh năm 1969 và 04 con; tiền án,

tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2023. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ2 – Cục C2 – Bộ C3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trần Văn Đ và Đặng Văn N không có nơi ở cố định, lợi dụng việc bán hàng dạo nhằm phát hiện sự sơ hở của các cá nhân, tổ chức trong việc quản lý tài sản để cùng nhau thực hiện trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

1. *Hành vi trộm cắp tài sản tại chùa K thuộc thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng*: cuối năm 2022, Trần Văn Đ có ý định trộm cắp tài sản tại chùa K thuộc thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên điện thoại cho Đặng Văn N với nội dung gặp nhau tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để cùng nhau trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ ngày 12/02/2023, Đ sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 85R7- 0637 chở N mang theo xà beng nhỏ đinh bằng sắt dài khoảng 70cm, tước nơ vít đến khu vực chùa K. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả hai đi xe mô tô quay lại quan sát trước chùa K rồi giấu xe mô tô vào khu nghĩa địa đối diện. Khoảng hơn 00 giờ ngày 13/02/2023, cả hai đi bộ quay lại chùa K, Đ một mình đi vào chùa Q, xác định vị trí nơi có tài sản rồi quay lại dẫn N đi vào chùa. Cả hai đi đến 01 căn phòng của sư trụ trì Phạm Nguyễn Hoàng M, Đ dùng tước nơ vít cạy bung chốt cửa hông đột nhập vào phát hiện và lấy đi 01 két sắt. Sau khi đục, cạy phá két sắt, Đ, N chia tài sản trộm được mỗi người được 130.000.000 đồng tiền mặt, số vàng còn lại Đ đổ ra nền dùng tay gạt phẳng rồi kẻ một đường phân đôi mỗi người một bên; 03 tờ mệnh giá 100 USD Đ cho N lấy hết. Sau khi chia tài sản trộm cắp được, Đặng Văn N lấy xe mô tô của Đ rời khỏi thành phố Đ còn Trần Văn Đ vẫn ở tại nhà trọ đến ngày 16/02/2023. Số vàng trộm cắp được, Đ mang bán rải rác nhiều nơi được khoảng 200.000.000 đồng.

2. *Hành vi trộm cắp tài sản tại Chi nhánh L thuộc xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình*: ngày 23 tháng 6 năm 2023, Trần Văn Đ rủ Đặng Văn N đến địa bàn tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Sau khi thăm dò, quan sát phát hiện trụ sở Chi nhánh L thuộc Công ty TNHH MTV L1 sát đường H, thuộc thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình có nhiều người vào, ra nộp tiền nên Đ và N nảy sinh ý định thực hiện trộm cắp. Đêm ngày 24/6/2023, Đ tìm mua 01 cây xà beng có một đầu nhọn một đầu dẹt, sau đó cả hai đột nhập vào phòng kế toán, phát hiện két sắt thì di chuyển ra gần bờ rào phía trước trụ sở, thay nhau dùng xà beng đục phá két, lấy hết toàn bộ tiền 617.527.932 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ và Đặng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 38 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 14 (mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo **Đặng Văn N** 15 (mười lăm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2023.

4. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo **Trần Văn Đ** và **Đặng Văn N**.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục duy trì quyết định tạm giam số 152/2024/HSST – QĐTG ngày 27/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với hai bị cáo **Trần Văn Đ** và **Đặng Văn N** để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh vải có hoạ tiết màu vàng, trắng có kích thước (2,8 x 2,4) mét; 01 (một) găng tay (dạng len) có nhiều hoa văn, có màu đen, trắng, xám, phần dài nhất 21,6 cm, tại phần đầu cùng của cổ tay rộng 7,8cm; 01 (một) áo dài tay (dạng áo len) màu đen, lưng áo và ống tay màu đen, phía trước thân áo kẻ ô dạng hình chữ nhật màu đen - xám, cổ áo có nhãn, trên nhãn có chữ TRN1961 (số cuối cùng viết ngược), size: M. Chiều dài tính từ cổ áo đến hết thân áo 65,8cm, chiều rộng nhất 44cm được niêm phong trong một phong bì màu trắng có chữ “**Bộ C3**”.

Thu giữ của bị cáo **Trần Văn Đ** để đảm bảo thi hành án 69 (sáu mươi chín) tờ giấy dạng tiền, mặt trước có hình ngôi chùa; 58 (năm mươi tám) tờ giấy dạng tiền có kích thước, hình ảnh, màu sắc khác nhau; 10 (mười) chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều đặc điểm khác nhau; 12 (mười hai) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đặc điểm khác nhau; 01 (một) cục kim loại màu vàng không rõ hình dạng, 01 (một) chuỗi vòng hình tròn; 01 (một) vòng tròn kim loại màu đồng; 11 (mười một) miếng kim loại dạng tròn màu trắng bạc có nhiều kích thước khác nhau (được Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q** niêm phong ngày 28/5/2024) là tài sản đang tạm giữ tại Kho của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/QĐ-VC2 ngày 17/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định:

Trong số vật chứng đã thu giữ có một số vật không liên quan đến vụ án, không nằm trong quy định tại Điều 89 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 cục kim loại màu vàng do bà **Lê Thị Hoài N2** nhặt được từ chủ nhà cũ để lại, bà **N2** mang nộp Công an.

+ Có 58 tờ tiền nước ngoài, bà **N2** được bạn bè tặng...

Sau khi thu giữ vật chứng nghi là tiền, vàng Cơ quan điều tra không trưng cầu giám định là vi phạm khoản 1 Điều 90 và Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khi xét xử, Tòa án không xác định được trong số vật chứng đã thu giữ thì vật chứng nào bị cấm lưu hành, cấm tàng trữ để tịch thu hoặc tiêu hủy; vật chứng nào là tài sản, tiền bạc do phạm tội mà có để tịch thu; vật chứng nào không có giá trị để tịch thu tiêu hủy theo đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự mà tuyên thu giữ để đảm bảo thi hành án là vi phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, không thể thi hành về phần vật chứng, việc xử lý vật chứng có thể ảnh hưởng đến những phần khác của bản án. Do đó, để đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, toàn diện đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/QĐ-VC2 ngày 17/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, **Trần Văn Đ** khai nhận toàn bộ quá trình cùng **Đặng Văn N** thực hiện hành vi trộm cắp 667.088.400 đồng tại **chùa K**, **tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 13/02/2023 và 617.527.932 tại **Chi nhánh L** thuộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L1** vào ngày 25/6/2023; lời khai nhận tội của **Trần Văn Đ** phù hợp với lời khai của **Đặng Văn N** trong quá trình điều tra cũng như lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hành vi của **Trần Văn Đ**, **Đặng Văn N** đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hai bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về phần xử lý vật chứng, ngoài việc tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên thu giữ của **Trần Văn Đ** để đảm bảo thi hành án 69 (sáu mươi chín) tờ giấy dạng tiền, mặt trước có hình ngôi chùa; 58 (năm mươi tám) tờ giấy dạng tiền có kích thước, hình ảnh, màu sắc khác nhau; 10 (mười) chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều đặc điểm khác nhau; 12 (mười hai) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đặc điểm khác nhau; 01 (một) cục kim loại màu vàng không rõ hình dạng, 01 (một) chuỗi vòng hình tròn; 01 (một) vòng tròn kim loại màu đồng; 11 (mười một) miếng kim loại dạng tròn màu trắng bạc có nhiều kích thước khác nhau (được Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q** niêm phong ngày 28/5/2024) hiện đang tạm giữ tại Kho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về vấn đề này, Hội đồng giám đốc thẩm nhận thấy trong giai đoạn điều tra, bà **Lê Thị Hoài N2** (người sống chung như vợ chồng với **Trần Văn Đ**) có nhiều lời khai khác nhau về nguồn gốc một số vật chứng nêu trên, tại Biên bản giao

nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 21/02/2023 (các bút lục 548 đến 550), bà N2 xác định: cục kim loại màu vàng, có mảng bám màu xám bà nhặt được khi chủ nhà cũ để lại; 69 (sáu mươi chín) tờ giấy là tiền nước ngoài do Hoàng Song B (Trần Văn Đ) cho cách đây 01 năm; 58 (năm mươi tám) tờ giấy là tiền nước ngoài, tiền Việt Nam cũ được bạn bè cho tặng; ngoài ra, bà N2 có một số lời khai xác định tất cả số vật chứng nêu trên là của Trần Văn Đ. Nội dung này chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra, xác minh làm rõ số tài sản nêu trên có đúng của Trần Văn Đ hay không mới có căn cứ xử lý theo quy định theo Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các vật chứng đã thu giữ thuộc một trong các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 90, khoản 5 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây khó khăn cho công tác thi hành án nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại mới giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

[3] Trường hợp sau khi điều tra lại nếu có căn cứ xác định số vật chứng thu giữ là tài sản của Trần Văn Đ có liên quan đến hành vi phạm tội khác thì cần phải xử lý trong cùng vụ án này mới giải quyết triệt để, tránh bỏ lọt tội phạm. Trong hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Chùa K, tỉnh Lâm Đồng và Chi nhánh L, Trần Văn Đ đều là người khởi xướng, rủ rê Đặng Văn N nên khi giải quyết lại vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng cần phải phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa hình phạt cho phù hợp.

[4] Từ các nhận định trên, Hội đồng giám đốc thẩm thấy Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/QĐ-VC2 ngày 17/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/QĐ-VC2 ngày 17/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
2. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.
3. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.
4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Trại giam Đồng Sơn – Cục C10 – Bộ Công an
(04 bản; 02 bản giao cho các bị cáo);
- Lưu: Vụ GĐT, TT; P.HCTP; LT.

Lê Văn Thường